TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HS-ST
Ngày: 11/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Thu Hương

Ông Lê Trung Thành

-Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Minh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Nam Trực.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định mở phiên toà sơ thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 07/2023/HSST ngày 24 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/HSST- QĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Mai Công T**; Sinh năm: 1963; Giới tính: Nam; Nơi ĐKHKTT, nơi ở: Thôn A 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Trình độ học vấn: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Đảng phái: Không. Con ông: Mai Công T1, đã chết; Con bà: Nguyễn Thị S, đã chết. Có vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1964. Bị cáo có 3 con, con lớn nhất, sinh năm 1987; con nhỏ nhất, sinh năm 1994.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/11/2022 đến ngày 17/01/2023 được thay thế bằng biện pháp Bảo lĩnh cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự: Sở lao động và thương binh xã hội tỉnh Nam Định

Địa chỉ: Số 15A, đường Giải phóng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Đức T2, chức vụ: Giám đốc Sở lao động, thương binh và xã hội tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Đức T2: Ông Trần Văn H– Phó trưởng Phòng người có công, Sở lao động, thương binh và xã hội tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa, ông H có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Phòng lao động, thương binh và xã hội huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Phương T3, chức vụ: Trưởng phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T3: Ông Vũ Thế H1– Phó Trưởng Phòng lao động, thương binh và xã hội huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa, ông H1 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo đi bộ đội từ tháng 9/1982, tại đơn vị C1-D21-E460-F338 (biên giới phía bắc), bị cáo được phân công giữ chốt ở điểm 538, cột mốc 54 thuộc địa phận bản Chắt, xã Bình Xá, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn. Đến ngày 18/11/1985, được xuất ngũ về địa phương và được Trung đoàn 460, Sư đoàn 338 cấp các giấy tờ trong đó có Quyết định xuất ngũ, trong quá trình đi tàu về nhà thì bị mất toàn bộ các giấy tờ. Đến năm 2003, bị cáo tìm hiểu và được biết Nhà nước có chủ trương làm chế độ thương binh đối với những người đã đi bộ đội, tham gia chiến đấu và làm chế độ thương binh cần phải có Quyết định xuất ngũ và Giấy chứng nhận bị thương mới làm được chế độ thương binh. Khoảng năm 2003, bị cáo nhờ Nguyễn Xuân Nguyên, sinh năm 1958, trú tại xóm 3, xã Nam Vân, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định làm giả Quyết định xuất ngũ và Giấy chứng nhận bị thương. Bị cáo đã cung cấp thông tin cá nhân của mình và đưa 6.000.000 đồng cho Nguyên. Đến đầu năm 2004, Nguyên đưa lại cho bị cáo 01 Quyết định xuất ngũ giả số 154/QĐ ngày 18/11/1985, 01 Giấy chứng nhận bị thương giả số 37/CNBT ngày 16/5/1985 ghi do Sư đoàn 338, Trung đoàn 460 cấp. Sau khi nhận được các giấy tờ từ Nguyên, bị cáo xin xác nhận việc bị thương tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa An và nộp 01 Quyết định xuất ngũ giả số 154/QĐ ngày 18/11/1985, 01 Giấy chứng nhận bị thương giả số 37/CNBT ngày 16/5/1985 ghi do Sư đoàn 338, Trung đoàn 460 cấp cho Bộ tư lệnh quân khu 3. Sau đó làm đơn đề nghị Bộ tư lệnh quân khu 3 giám định tỷ lệ thương tật. Ngày 11/04/2005, Hội đồng giám định y khoa quân khu 3 - Quân đội nhân dân Việt Nam có biên bản giám định số 30/GĐYK-TB, quyết định bị cáo thương tật là 23%. Ngày 10/5/2005, Bộ tư lệnh quân khu 3 đã ra Quyết định số 107/QĐ-K3 cấp giấy chứng nhận bị thương cho ông bị cáo và được hưởng trợ cấp thương tật hàng tháng là 216.000 đồng kể từ ngày 11/4/2005. Đến năm 2020, Thanh tra Bộ lao động thương binh xã hội phát hiện bị cáo sử dụng Quyết định xuất ngũ và Giấy chứng nhận thương binh giả, Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Nam Định ban hành Quyết định số 1771/QĐ-SLĐTBXH ngày 26/02/2021 đình chỉ thực hiện chế độ ưu đãi thương binh và thu hồi trợ cấp thương tật Bị cáo đã hưởng số tiền 138.957.600 đồng. Bị cáo đã được

hưởng trợ cấp thương binh từ ngày 11/4/2005 đến ngày 31/10/2020 số tiền là 138.957.600 đồng.

Ngày 07/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Trực đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và lệnh bắt bị can để tạm giam đối với bị cáo và thu giữ những vật chứng gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu xanh đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 5 đã qua sử dụng; số tiền 930.000 đồng.

Ngày 07/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Trực đã tiến hành khám xét chỗ ở của bị cáo thu giữ những tài liệu: 01 (một) Quyết định xuất ngũ số 154 ngày 18/11/1985 mang tên bị cáo; 01 (một) Quyết định về việc thực hiện chế độ trợ cấp một lần số 6588/QĐ-BTL ngày 27/12/2012; 01 (một) Quyết định truy lĩnh tiền trợ cấp thương tật hàng tháng số 310/QĐ-TBLS ngày 10/4/2006; 01 (một) đơn xin giám định thương tật lần đầu của bị cáo; 01 (một) biên bản đề nghị xác nhận thương binh; 01 (một) bản khai cá nhân đề nghị hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng của bị cáo ngày 14/5/2012; 01 (một) sổ lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng số QA 35275 mang tên bị cáo; 01 (một) lý lịch quân nhân mang tên Nguyễn Quốc Chung; 01 (một) sổ theo dõi, điều trị đái tháo đường mang tên bị cáo. Toàn bộ các tài liệu thu giữ đều là bản chính.

Ngày 21/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điền tra Công an huyện Nam Trực thu giữ 01 Giấy chứng nhận bị thương số 37/CNBT ngày 16/5/1985 mang tên bị cáo tại Phòng chính sách người có công - Thanh tra Bộ lao động thương binh xã hội để tiến hành giám định.

Tại bản kết luận giám định số 4965/KL-KTHS ngày 31/8/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: Giấy chứng nhận bị thương số 37/CNBT ngày 16/5/1985 mang tên Mai Công T (ký hiệu A). Nội dung nguyên thủy tại vị trí chữ "tại" ở dòng chữ viết số 18 tính từ trên xuống trên trang 1 mẫu cần giám định ký hiệu A đã bị tẩy xóa. Chữ "tại" được viết sau khi tẩy xóa nội dung nguyên thủy. Không xác định được nội dung nguyên thủy. Hình dấu chức danh, hình dấu tròn (trừ số "460" thuộc nội dung hình dấu tròn) dưới mục "Thủ trưởng E 460" trên mẫu cần giám định ký hiệu A không bị tẩy xóa, không bị sửa chữa. Số "460" thuộc nội dung hình dấu tròn dưới mục "Thủ trưởng E 460" trên mẫu cần giám định ký hiệu A là số viết thêm.

Tại bản kết luận giám định số 226/KL-GĐKTHS ngày 10/10/2022 của Phòng giám định kỹ thuật hình sự Bộ quốc phòng kết luận: Giấy chứng nhận bị thương số 37/CNBT ngày 16/5/1985 mang tên Mai Công T (ký hiệu A). Không phát hiện thấy dấu hiệu tẩy xóa, sửa chữa, chữ viết ghi thông tin khác chữ viết nội dung như hiện tại trên tài liệu cần giám định ký hiệu A. Phần chữ in phôi trên tài liệu cần giám định ký hiệu A được hình thành bằng các hạt mực laze. Hình dấu xác nhận mang tên "Trung đoàn 460" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A được hình thành bằng phương pháp đóng dấu trực tiếp lên trên chữ ký, có cụm số "460" được kẻ vẽ, viết tay không hình thành cùng cơ chế với nội dung còn lại của hình dấu.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Trực đã thu giữ của ông Nguyễn Quốc C 01 Quyết định xuất ngũ số 14/QĐ ngày

22/11/1985 mang tên Nguyễn Quốc C của Sư đoàn 338, Trung đoàn 460 cấp để làm mẫu so sánh khi giám định. Thu giữ của Đoàn 338 – Quân khu 1, 01 Giấy chứng nhận bị thương số 03/84/GCN ngày 20/11/1984 mang tên Lê Nguyên Hợp của Sư đoàn 338, Trung đoàn 460 để làm mẫu so sánh khi giám định.

Bản kết luận giám định số 1572/KL-KTHS ngày 02/11/2022 của Phòng kỹ thuận hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Giấy chứng nhận bị thương số 37/CNBT ngày 16/5/1985 mang tên Mai Công T (ký hiệu A); Quyết định xuất ngũ số 14/QĐ ngày 22/11/1985 mang tên Nguyễn Quốc Chung (ký hiệu M). Lớp in trên nội dung trên mẫu in mẫu cần giám định (Ký hiệu A) so với lớp in nội dung trên mẫu in mẫu so sánh (Ký hiệu M) không phải do cùng một phương pháp in ra. Hình dấu tròn có nội dung "QUAN DOI NHAN DAN VIET NAM TRUNG DOAN 460" trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với hình dấu có cùng nội dung trên mẫu so sánh (Ký hiệu M) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Bản kết luận giám định số 1717/KL-KTHS ngày 06/12/2022 của Phòng kỹ thuận hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Quyết định xuất ngũ số 154/QĐ ngày 18/11/1985 mang tên Mai Công T (ký hiệu A); Giấy chứng nhận bị thương số 03/84/GCN ngày 20/11/1984 mang tên Lê Nguyên Hợp (ký hiệu M).Hình dấu tròn có nội dung "QUAN DOI NHAN DAN VIET NAM TRUNG DOAN 460" trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với hình dấu có cùng nội dung trên mẫu so sánh (Ký hiệu M) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Trực, bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Mai Công Bị cáo đã tác động gia đình và gia đình đã bồi thường lại số tiền chiếm đoạt là 50.000.000 đồng.

Sau khi có kết quả giám định, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Quốc Chung 01 Quyết định xuất ngũ số 14/QĐ ngày 22/11/1985 mang tên Nguyễn Quốc Chung của Sư đoàn 338, Trung đoàn 460 cấp. Trả lại cho Đoàn 338 – Quân khu 1, 01 Giấy chứng nhận bị thương số 03/84/GCN ngày 20/11/1984 mang tên Lê Nguyên Hợp của Sư đoàn 338, Trung đoàn 460 cấp. Trả lại cho Thanh tra Bộ lao động thương binh và xã hội 01 Giấy chứng nhận bị thương số 37/CNBT ngày 16/5/1985 mang tên Mai Công T, sinh năm 1963, cư trú xã Nghĩa An, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Đối với số tiền 930.000 thu giữ của bị cáo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Trực chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực để xử lý.

Bản cáo trạng số: 13/CT-VKS ngày 23/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Mai Công T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự và tội "Sử dụng tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên thay đổi quan điểm truy tố so với bản cáo trạng và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Mai Công T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"

Căn cứ khoản 1 Điều 267, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Mai Công T từ 05 triệu đến 10 triệu về tội " Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"

Căn cứ điểm c khoản 2 điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Mai Công T từ 09 tháng tù đến 01 năm tù về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự truy thu của bị cáo Mai Công T số tiền 88.957.600 đồng để hoàn trả lại cho Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Nam Trực .

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo số tiền là 930.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ điểm a, điểm c Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Sở lao động, thương binh và xã hội tỉnh Nam Định, Phòng Lao động, thương binh và xã hội huyện Nam Trực có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

Tại phiên tòa, người đại diện Sở lao động, thương binh và xã hội tỉnh Nam Định đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết đúng theo quy định của pháp luật và buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền đã nhận không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị giữ nguyên quan điểm của Sở theo nội dung của Quyết định số 1771/QĐ – SLĐTBXH ngày 26/02/2021 của Sở.

Tại phiên tòa, người đại diện của Phòng Lao động, thương binh và xã hội huyện Nam Trực xác nhận đã nhận số tiền 50.000.000 đồng nên số tiền bị cáo còn phải nộp theo Quyết định số 1771/QĐ của Sở lao động, thương binh và xã hội tỉnh Nam Định là 88.957.600 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Trực, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền,trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Cơ quan điều tra Công an

huyện Nam Trực, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực trong quá trình điều tra, truy tố về hành vi "Sử dụng tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm d, khoản 2 Điều 341 BLHS năm 2015 nhưng tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thay đổi quan điểm truy tố đối với hành vi này theo tội " Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" quy định tại khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 là phù hợp với quy định tại Điều 266 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên toà là thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các chứng cứ khác như: biên bản ghi lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bản kết luận giám định số 226/KL-GĐKTHS ngày 10/10/2022 của Phòng giám định kỹ thuật hình sự Bộ quốc phòng, bản kết luận giám định số 1572/KL-KTHS ngày 02/11/2022 và số 1717/KL-KTHS ngày 06/12/2022 của Phòng kỹ thuận hình sự Công an tỉnh Nam Định .. Từ các chứng cứ trên đã đủ căn cứ kết luận: Trong thời gian từ năm 2004 đến tháng 10 năm 2020, bị cáo Mai Công T, đã có hành vi sử dụng 01 Quyết định xuất ngũ giả số 154/QĐ ngày 18/11/1985, 01 Giấy chứng nhận bị thương giả số 37/CNBT ngày 16/5/1985 ghi do Sư đoàn 338, Trung đoàn 460 cấp để làm chế độ thương binh và được hưởng chế độ thương binh từ ngày 11/4/2005 đến ngày 31/10/2020 nhằm chiếm hưởng số tiền của Ngân sách Nhà nước, cụ thể Mai Công T đã chiếm đoạt số tiền là 138.957.600 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước đồng thời xâm phạm quyền sở hữu tài sản của Nhà nước cụ thể đã gây thiệt hại đến ngân sách do Nhà nước quản lý. Bản thân bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng do động cơ tư lợi cá nhân mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã phạm tội " Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Căn cứ vào thời điểm bị cáo sử dụng giấy tờ giả và số tiền mà bị cáo đã chiếm hưởng và, thì bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo theo khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bản thân bị cáo có thời gian tham gia quân đội trong cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc và hiện nay các con của bị cáo đang tham gia quân đội, có người con đang bảo vệ vùng biển của Tổ quốc tại Trường Sa. Bị cáo sức khỏe kém, mắc nhiều bệnh. Đối với tội " Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức" bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trong, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo khai báo thành khẩn nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Bộ luật hình sự năm 1999. Đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo khai báo thành khẩn, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về hình phạt: Qua đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy đối với tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ

chức" chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo. Đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" có đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự nên cho bị cáo hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Do bị cáo cùng lúc phạm 02 tội nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, tiếp tục cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo mình thành công dân có ích cho xã hội cũng như răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ theo Điều 47 Bộ luật hình sự thì toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm hưởng từ việc gian dối làm hồ sơ hưởng chế độ thương binh, cần phải thu hồi trả lại cho Ngân sách Nhà nước. Theo quy định của pháp luật, số tiền này thuộc quyền quản lý của Sở lao động, thương binh và xã hội tỉnh Nam Định. Quá trình điều tra vụ án, Sở lao động, thương binh và xã hội tỉnh Nam Định đã ủy quyền cho Phòng lao động, thương binh và xã hội huyện Nam Trực chịu trách nhiệm thu hồi số tiền này , vì vậy cần truy thu số tiền này hoàn trả cho Phòng lao động, thương binh và xã hội huyện Nam Trực. Quá trình điều tra vụ án, gia đình bị cáo tự nguyện nộp số tiền là 50.000.000 đồng, cần tiếp tục truy thu của bị cáo số tiền chiếm hưởng còn lại là 88.957.600 đồng để hoàn trả cho Phòng lao động, thương binh và xã hội huyện Nam Trực.

[7] Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo số tiền là 930.000 đồng hiện đang tạm giữ trong tài khoản của Chi cục thi hành án huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Đối với Nguyễn Xuân Nguyên quá trình điều tra không có căn cứ về việc Nguyên làm giấy tờ giả (Quyết định xuất ngũ giả số 154/QĐ ngày 18/11/1985, Giấy chứng nhận bị thương giả số 37/CNBT ngày 16/5/1985 ghi do Sư đoàn 338, Trung đoàn 460 cấp) với giá 6.000.000 đồng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Trực không có căn cứ để xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Sở lao động, thương binh và xã hội tỉnh Nam Định, Phòng lao động, thương binh và xã hội huyện Nam Trực có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 267 điểm h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 30 Bộ luật hình sự 1999:

- Tuyên bố bị cáo Mai Công T phạm tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"

- Xử phạt tiền đối với bị cáo Mai Công T số tiền là 10 triệu đồng.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015:

- Tuyên bố bị cáo Mai Công T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Xử phạt bị cáo Mai Công T 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 07/11/2022 đến ngày 17/01/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự truy thu của bị cáo Mai Công T số tiền 88.957.600 đồng để hoàn trả cho Phòng lao động, thương binh và xã hội huyện Nam Trực.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo số tiền là 930.000 đồng hiện đang tạm giữ trong tài khoản của Chi cục thi hành án huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 23/02/2023 của Công an huyện Nam Trực nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

5. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Mai Công T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Sở lao động, thương binh và xã hội tỉnh Nam Định, Phòng lao động, thương binh và xã hội huyện Nam Trực có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự và người phải thi hành án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mạnh Cường

Nơi nhận:
- bị cáo;
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân huyện Nam Trực;
- Công an huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- Công an huyện Nam Trực;
- UBND xã Tân Thịnh;
- bị cáo;
- Lưu HS+VP.

Phạm Mạnh Cường